

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giấy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Giấy Thường Xuân**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giấy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Giấy Thường Xuân;*

*Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ chương đầu tư dự án Nhà máy giấy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Văn bản số 6866/STNMT-BVMT ngày 31/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giấy Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Giấy Thường Xuân;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1392/Tr-STNMT ngày 20/8/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giấy Thường Xuân (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Giấy Thường Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Thống

Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giấy Thường Xuân của Công ty TNHH Giấy Thường Xuân thực hiện tại thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Giám đốc Công ty TNHH Giấy Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Dương (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân,**  
**tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Giày Thường Xuân**

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        /        /2024 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Nhà máy giày Thường Xuân tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Giày Thường Xuân
- + Người đại diện: ông Lo Huai Sung
- + Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 576, thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi: Dự án Nhà máy giày Thường Xuân được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 50.031,56 m<sup>2</sup> thuộc địa giới hành chính xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Quy mô, công suất sản xuất: 9.600.000 đôi sản phẩm mũ giày/năm.
- Quy mô sử dụng không quá 4.000 lao động.

**1.3. Công nghệ sản xuất**

Công nghệ sản xuất mũ giày: Nguyên liệu → Cắt → In xoa → May mặt giày → kiểm tra → hoàn thiện, đóng gói → xuất bán.

**1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

**1.4.1. Quy mô các hạng mục công trình**

Nhà bảo vệ (01 tầng, diện tích xây dựng 50 m<sup>2</sup>), Nhà văn phòng (03 tầng, diện tích xây dựng 324 m<sup>2</sup>), Nhà xưởng số 1 (02 tầng, diện tích xây dựng 5.472 m<sup>2</sup>), Nhà xưởng số 2 (02 tầng, diện tích xây dựng 5.472 m<sup>2</sup>), Nhà xưởng số 3 (02 tầng, diện tích xây dựng 5.472 m<sup>2</sup>), Nhà ăn ca (01 tầng, diện tích xây dựng 2.835,5 m<sup>2</sup>), 03 Nhà vệ sinh số 1 (02 tầng, diện tích xây dựng 170,31 m<sup>2</sup>), 03 Nhà vệ sinh số 2 (02 tầng, diện tích xây dựng 189,03 m<sup>2</sup>), 03 Nhà vệ sinh số 3 (02 tầng, diện tích xây dựng 170,31 m<sup>2</sup>), Nhà trạm điện (01 tầng, diện tích xây dựng 570 m<sup>2</sup>), Nhà rác (01 tầng, diện tích xây dựng 540 m<sup>2</sup>), Nhà tổng hợp (01 tầng, diện tích xây dựng 990 m<sup>2</sup>), Nhà kho keo, hóa chất (01 tầng, diện tích xây dựng 540 m<sup>2</sup>), Khu bể xử lý nước thải và bể PCCC (diện tích xây dựng 462,6 m<sup>2</sup>), Khu xử lý nước thải sản xuất (diện tích xây dựng 60 m<sup>2</sup>), Bể nước sạch (diện tích xây dựng 242 m<sup>2</sup>), Nhà cầu (diện tích xây dựng 247,5 m<sup>2</sup>), 02 Thang nâng hàng (diện tích xây dựng 23,12 m<sup>2</sup>), 03 Nhà phân phối điện (01 tầng, diện tích xây dựng 30 m<sup>2</sup>),

Nhà xe công nhân (01 tầng, diện tích xây dựng  $3.972,3 \text{ m}^2$ ), Nhà bơm (01 tầng, diện tích xây dựng  $31,92 \text{ m}^2$ ) và các công trình phụ trợ khác.

#### *1.4.2. Hoạt động của dự án*

- Giai đoạn thi công xây dựng: hiện đã xây dựng hoàn thành và đang trong giai đoạn lắp đặt thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất.

- Giai đoạn vận hành: Sản xuất, gia công mũ giày; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

#### *1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường*

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, có hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (giai đoạn vận hành)**

#### *3.1. Nước thải, khí thải*

##### *3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng  $121 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (bao gồm: nước thải tắm rửa  $60,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước dội nhà vệ sinh  $60,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước thải từ quá trình rửa dụng cụ chứa đồ ăn  $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ pha chế keo, hoá chất:  $10,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cặn keo chết ...

- Nước thải từ quá trình rửa khung bản in và các dụng cụ in xoa:  $15 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, mực in chết.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án tối đa có lưu lượng  $497,14 \text{ m}^3/\text{h}$ . Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

##### *3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:*

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy. Thành phần chủ yếu gồm bụi vô cơ, khí  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$  và VOC.

- Bụi từ quá trình pha cắt, may, vệ sinh sản phẩm. Thành phần chủ yếu là bụi vải.

- Mùi và hơi keo phát sinh tại khu vực như: pha chế keo, quét keo, in xoa. Thành phần chủ yếu: hơi dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ có trong keo: Ethyl acetate, Xyclohexan,...

- Các hơi khí độc hại phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (công rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu gồm  $H_2S$ ;  $NH_3$ ;  $CH_4$ ...

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt**

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành mỗi ngày 1.205 kg/ngày. Thành phần chất thải sinh hoạt phát sinh bên trong khu đất thực hiện dự án chủ yếu là chất thải dễ phân hủy như thực phẩm thừa, rau, vỏ củ quả bỏ đi, giấy ăn, vỏ hoa quả.

#### **3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 2.873kg/ngày. Thành phần gồm: Vụn cải, vụn da, vụn mút, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu khác...

- Chất thải rắn từ các hoạt động vệ sinh môi trường phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... là 5,0 kg/ngày.

- Chất thải rắn còn phát sinh từ hoạt động: nạo vét khơi thông cống rãnh thoát nước,... Lượng chất thải này phát sinh không thường xuyên và có khối lượng ước tính khoảng 38,0 m<sup>3</sup>/năm.

#### **3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ chai lọ hóa chất, chất kết dính, keo chét, mực in chét, chất hấp thụ, vật liệu lọc, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất với tổng khối lượng khoảng 193.700 kg/năm.

#### **3.2.3. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác**

- Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

- Tác động do việc khai thác nước ngầm: Khi nhà máy đi vào vận hành ổn định cần sử dụng nước cung cấp từ nguồn nước ngầm với lưu lượng 86m<sup>3</sup>/ngày đêm, do đó có nguy cơ suy giảm nguồn nước ngầm, sụt lún khu vực khai thác. Việc hạ thấp mực nước có thể dẫn tới hiện tượng sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước. Tại tầng đất chứa nước, có một lực đẩy Acsimet để nâng các khối đất đá lên; khi khai thác nước làm mực nước hạ thấp tầng đất này không còn lực đẩy Acsimet nữa và tạo ra lỗ hổng lớn, có thể dẫn tới sụt lún các công trình xung quanh.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong quá trình thực hiện dự án (giai đoạn vận hành)**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

#### **4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, HDPE cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa

của dự án có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra mương thoát nước của khu vực phía Nam khu đất dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy xử lý sơ bộ bằng 12 bể (gồm: 10 bể tại khu vực nhà vệ sinh có thể tích  $14,0 \text{ m}^3/\text{bể}$  và 01 bể tại khu vực Nhà bảo vệ có thể tích  $9,0 \text{ m}^3$ ). Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất  $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt thu gom bằng đường ống PVC và hố ga, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất  $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn thu gom bằng đường ống PVC về 03 bể tách mỡ (gồm: 01 bể tại khu vực nhà văn phòng và thể tích  $1,5 \text{ m}^3$  và 02 bể tại khu vực nhà ăn ca có thể tích  $5,3 \text{ m}^3/\text{bể}$ ) khu vực nhà bếp ăn chuyên gia để tách váng mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất  $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để tiếp tục xử lý. Váng mỡ tách được thu gom vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

- Nước sản xuất phát sinh từ quá trình chùi rửa dụng cụ pha chế keo, pha chế hoá chất, rửa khung bản in và rửa để được thu gom riêng, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất (công suất  $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý cùng nước thải sinh hoạt. Quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải sản xuất → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng → nước sau xử lý dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Bùn thải thu gom và hợp đồng vận chuyển xử lý cùng chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất  $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ) để xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải (nước sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể cân bằng pH → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng hoá học → Bể chứa nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Thiết bị khuấy tĩnh → Một phần tuần hoàn tái sử dụng dội nhà vệ sinh, rửa đường, tưới mái, tưới cây xanh, phòng cháy chữa cháy/xả ra môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- + Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thải công nghiệp, một phần tuần hoàn tái sử dụng, phần còn lại xả thải ra mương thoát nước B800 dọc Quốc lộ 47 ở phía Đông Nam dự án thông qua hệ thống đường ống HDPE, D110 và đường ống HDPE, D200. Khoảng cách từ khu xử lý nước thải của nhà máy đến mương thoát nước dọc Quốc lộ 47 ở phía Đông Nam là 250 m. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X = 2201195(m); Y = 538067(m).

+ Đề ứng phó với sự cố hư hỏng hệ thống xử lý nước thải, trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng không xử lý được. Toàn bộ nước thải chưa xử lý được chứa tại bể PCCC để chứa nước thải chưa xử lý trong thời gian tối đa 02 ngày để chờ sửa chữa hệ thống xử lý nước thải;

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải, không để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải; không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa.

#### 4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với bụi, khí thải khu vực sản xuất:

+ Đối với bụi phát sinh từ công đoạn pha cắt, may, vệ sinh: Thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày các khu nhà xưởng. Lắp đặt điều hòa cho các khu vực xưởng may, hoàn thiện. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân;

+ Đối với mỗi khu vực phát sinh khí thải từ công đoạn (như: pha chế keo, hoá chất, công đoạn In xoa, công đoạn quét keo, ép nhiệt) được lắp đặt và sử dụng hệ thống các chụp hút và xử lý mùi hơi dung môi hữu cơ phát sinh trong quá trình sản xuất tại khu Nhà xưởng số 3. Quy trình công nghệ xử lý: Chụp hút tại các khu vực (gồm: pha chế keo, hoá chất, khu vực in xoa, khu vực quét keo, ép nhiệt) → Đường ống thu khí thải (Ø200, Ø300 và Ø600) → Buồng xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút công suất 14.000 m<sup>3</sup>/h → ống thoát khí Ø600 ra môi trường;

+ Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho keo, kho hóa chất, kho thành phẩm và lắp đặt điều hòa không khí tại các nhà xưởng may để đảm bảo môi trường lao động;

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (Quần, áo, khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy theo quy định của pháp luật về lao động và các quy định khác có liên quan;

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất lượng bụi, khí thải của dự án sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Đối với máy phát điện dự phòng được lắp đặt trong phòng kín, tại phòng đặt máy phát điện lắp đặt hệ thống quạt hút khí thải vào ống thoát khí riêng và thoát ra ngoài môi trường qua ống khói; định kỳ được bảo dưỡng định kỳ đảm bảo các hoạt động tốt nhất; sử dụng nhiên liệu không chì, nhiên liệu có hàm lượng S thấp cho các thiết bị trong đó có máy phát điện.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy:

+ Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định;

+ Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển;

- Đối với các khu vực công cộng: Thường xuyên quét dọn vệ sinh, tưới đường giảm bụi đảm bảo vệ sinh môi trường ngày hanh khô, nắng nóng.

- Đối với mùi khu vực thu gom, xử lý chất thải:

- + Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố gas có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối;

- + Bổ sung chế phẩm vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh tắc bể và phát sinh mùi; Sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng tại khu vực Nhà máy theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

#### *4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại*

##### *4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường*

###### *a. Chất thải rắn sinh hoạt*

- Trang bị và sử dụng 165 thùng rác loại (10 - 60) lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Yêu cầu CBCNV bỏ rác đúng nơi quy định, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại, định kỳ 02 lần/ngày về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 45 m<sup>2</sup> nằm trong Nhà rác diện tích 540 m<sup>2</sup> của Nhà máy. Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có nền xi măng, tường bao xung quanh, chia thành các ngăn chứa chất thải rắn công nghiệp, có cửa đi và biển hiệu riêng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày hoặc bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

###### *b. Chất thải rắn sản xuất*

- Nguyên vật liệu dư thừa, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu thải bỏ được thu gom, phân loại và lưu giữ ngay tại các phân xưởng sản xuất sau đó được vận chuyển lưu giữ tại các ngăn riêng tại kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 450 m<sup>2</sup> nằm trong Nhà rác diện tích 540 m<sup>2</sup>. Kho chứa chất thải rắn sản xuất có nền xi măng, tường bao xung quanh, chia thành các ngăn chứa chất thải rắn công nghiệp, có cửa đi và biển hiệu riêng.

- Hợp đồng đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp theo đúng quy định hoặc bán cho các đơn vị thu mua phế liệu, tần suất vận chuyển theo tình hình thực tế của Nhà máy.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

#### *4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại ngay khi phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa CTNH tại kho chứa CTNH.

- Kho chứa CTNH có diện tích 45 m<sup>2</sup> nằm trong Nhà rác diện tích 540 m<sup>2</sup> của Nhà máy. Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, nền láng xi măng, có cửa đi, biển hiệu riêng, trang bị thiết bị ứng phó sự cố. Bên trong kho chứa CTNH bố trí 08 thùng đựng chất thải, dung tích thùng loại 0,5 m<sup>3</sup>/thùng và 04 thùng chứa CTNH loại 0,2 m<sup>3</sup>/thùng có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

#### *4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác*

##### *4.3.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung*

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ; kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyên sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực công ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

#### 4.3.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Khi hệ thống XLNT tập trung gặp sự cố, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời gian nhanh nhất (với công suất xử lý nước thải của nhà máy đạt 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm thời gian lưu nước thải tại các bể xử lý và bể PCCC của dự án có khả năng lưu chứa được trong khoảng 02 ngày), sau đó, nước thải được bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Sự cố hệ thống xử lý khí thải: Có phương án dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao (*quạt hút*) để thay thế khi cần thiết; xây dựng quy trình hướng dẫn và ban hành nội quy vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật; ghi chép đầy đủ các thông số vận hành hàng ngày để sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị; định kì thay thế than hoạt tính để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Phòng cháy và chữa cháy: Lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt. Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hóa chất: Lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

#### 4.3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố do khai thác nước dưới đất

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện khai thác đúng lưu lượng, tần suất, đúng tầng chứa nước theo Giấy phép thăm dò nước dưới đất và Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được UBND tỉnh cấp. Theo dõi, giám sát các thông số lưu lượng khai thác; mực nước trong giếng khai thác; chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định, kịp thời dừng khai thác hoặc báo cơ quan chức năng khi có sự cố giảm mực nước hoặc thay đổi chất lượng nước khai thác. Khoanh vùng phạm vi bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

- Tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước, không lãng phí nước trong sản xuất và sinh hoạt, tái sử dụng nước phục vụ cho một số công đoạn sản xuất và phục vụ hoạt động của nhà máy.

- Tuân thủ theo Luật Tài nguyên nước 2023; Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải. Chủ đầu tư đề xuất và cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường cho dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

#### **5.1. Giám sát chất lượng khí thải**

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực Nhà xưởng sản xuất số 3 của nhà máy.
- Chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen;
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
  - + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

#### **5.2. Giám sát chất lượng nước thải**

- Vị trí giám sát: lấy mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thải ra môi trường.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Tổng P, Tổng N, Dầu mỡ động, thực vật, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại bể chứa nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,1) - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp* và QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K = 1,0) - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt* một phần được tái sử dụng, phần còn lại được thoát ra ngoài môi trường.

### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường

năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá Ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí khu vực phát sinh bụi, mùi, khí thải gần khu dân cư; đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.